TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 304/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sáu;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Lương Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 493/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 21/6/1986, căn cước công dân: 087186015451; địa chỉ cư trú: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1987, căn cước công dân: 089087022029; địa chỉ cư trú: Số G, tổ B, ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 11/5/2026 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông T được hình thành là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân xã M, huyện C (nay xã C), tỉnh An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân, do khó khăn về kinh tế, nhưng ông T không phụ giúp, bỏ bê gia đình bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi nên dẫn đến gây cải và ly thân nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông T; Về quan hệ con chung: Bà với ông T có 02 con chung: 1/ Lê Nguyễn Thiện N1, sinh ngày 14/8/2019; 2/ Lê Nguyễn Hiếu N2, sinh ngày 12/3/2024 hiện 02 con chung do bà nuôi. Khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông T không có tài sản chung; Về quan hệ nợ chung: Bà với ông T không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Cẩm N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Thanh T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm N đối với ông Lê Thanh T.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung: Lê Nguyễn Thiện N1, sinh ngày 14/8/2019; Lê Nguyễn Hiếu N2, sinh ngày 12/3/2024. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T. Ông T có nơi cư trú ấp Đ, xã C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T, bà N, ông T kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 05/5/2015, nên xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà N bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông T do khó khăn về kinh tế, nhưng ông T không phụ giúp, bỏ bê gia đình bà nhiều lần

khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi nên dẫn đến gây cải và ly thân nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay, gia đình có hàn gắn nhưng không thành…

Qua trình bày của bà N, mặc dù ông T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của bà N, nhưng ông không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của bà Cẩm N có căn cứ, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N với ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T.

[4] Về quan hệ con chung: Xét thấy, cháu Lê Nguyễn Thiện N1 và Lê Nguyễn Hiếu N2, từ trước nay do bà N nuôi dưỡng, tâm tư, tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng. Cháu N1 hiện trên 07 tuổi với ý nguyện tiếp tục sống với mẹ, còn cháu N2 thì chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của bà N. Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của 02 cháu cũng như tạo điều kiện cho 02 cháu phát triển tốt về sau, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyên khai, bà với ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Quá trình làm việc, bà N có yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Bà N tự nguyện nộp chi phí tố tụng 300.000 đồng và đồng ý chịu toàn bộ chi phí này. Xét đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với ông Lê Thanh T;

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Nguyễn Thiện N1, sinh ngày 14/8/2019; Lê Nguyễn Hiếu N2, sinh ngày 12/3/2024. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ: 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, bà Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chịu. Bà N đã nộp xong.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 307750 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 6 năm 2026. Bà Nguyễn Thị Cẩm N đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cù Lao Giêng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư